



Các dấu hiệu pháp lý của tội “hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có” trong Luật hình sự Việt Nam

ThS. NGUYỄN KIÊN BÍCH TUYỀN

(Tiếp theo số 36)

Chủ thể của tội phạm:

Theo BLHS 1999, chủ thể của tội phạm là một con người cụ thể đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Chủ thể của tội “*Hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có*”, cũng giống như chủ thể của những tội khác được quy định trong BLHS 1999, là: công dân Việt Nam, người nước ngoài hoặc người không quốc tịch, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự (TNHS) theo luật định. Hoạt động rửa tiền có thể diễn ra từ quốc gia này sang quốc gia khác nên loại chủ thể thường xuyên là người nước ngoài hay người không có quốc tịch.

Điểm đáng lưu ý là TNHS trong luật Việt Nam là trách nhiệm cá nhân. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Nếu một pháp nhân, tổ chức có những hành vi vi phạm pháp luật hình sự thì TNHS được đặt ra đối với người đứng đầu pháp nhân đó, người có trách nhiệm trong việc có liên quan chứ không phải là pháp nhân, tổ chức đó một cách chung chung. Chẳng hạn, ngân hàng không phải là đối tượng phải chịu TNHS do không tuân thủ những quy định của luật hoặc không có thái độ cẩn trọng đúng mức trong việc đánh giá và chấp nhận khách hàng vì phải là người nào có trách nhiệm trong những việc đó mới phải chịu TNHS. Trên thực tế, chủ thể của tội rửa tiền, từ “người nào” trong Điều 251 BLHS 1999, có thể là những người sau đây:

- Người có thu nhập bất hợp pháp và có nhu cầu cần hợp pháp hóa thu nhập đó. Ví dụ cán bộ Nhà nước cần rửa tiền do tham nhũng mà có, chủ công ty cần rửa tiền do trốn thuế mà có, v.v...
- Những người tuy không có nhu cầu rửa tiền

của chính họ nhưng đã thực hiện các hoạt động hỗ trợ người khác rửa tiền. Ví dụ đó là nhân viên ngân hàng, người có tài khoản ở ngân hàng, nhân viên hải quan, người có vé trúng số, đại lý vé số, đại lý bảo hiểm, luật sư, công chứng viên, người môi giới chứng khoán, nhà đất, người mua bán, kinh doanh ngoại tệ, v.v...

Giống Việt Nam, TNHS ở Thụy Điển không áp dụng đối với pháp nhân và tổ chức[6]. Do đó, khi một công ty hay ngân hàng tham gia rửa tiền thì vấn đề được đặt ra là người nào hoặc những người nào trong tổ chức đó, pháp nhân đó phải chịu TNHS. Nét đặc trưng của pháp luật hình sự Mỹ là truy cứu cả trách nhiệm của pháp nhân chứ không chỉ là của thể nhân. Từ “người nào” trong LHS Mỹ được hiểu là bao gồm cả pháp nhân. TNHS của pháp nhân đã được quy định trong đạo luật hình sự Sermon 1890 nhằm chống lại các Trust (ký thác). Nhưng việc truy cứu TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của cá nhân. Khuyến nghị số 2 của FATF cho rằng khi cần thiết không chỉ những người làm trong các tổ chức mà chính bản thân tổ chức cũng phải chịu TNHS. Thực tiễn đã cho thấy việc chỉ truy cứu TNHS cá nhân sẽ bộc lộ một số hạn chế nhất định và chưa thật sự công bằng. Ví dụ một tổ chức, pháp nhân nào bị tội rửa tiền ở Mỹ nhưng theo pháp luật Thụy Điển và Việt Nam thì không phải chịu TNHS. Sự không tương đồng về pháp luật khiến cho các quốc gia gặp nhiều khó khăn trong việc hợp tác với nhau trong vấn đề phòng chống rửa tiền.

Về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, ở Thụy Điển, tuổi tối thiểu là 15 (phần 1 mục 6 của BLHS Thụy Điển). Điều 12 BLHS1999 thì quy định tuổi tối thiểu để chịu TNHS là từ 14. Ở Mỹ, phần lớn các bang đều chọn tuổi 18 là tuổi tối thiểu bắt đầu

chịu TNHS [24]. Rất tiếc, việc quy định thống nhất một độ tuổi để bắt đầu chịu TNHS đối với những tội phạm có tính chất quốc tế là điều hết sức cần thiết nhưng không dễ dàng đạt được vì có liên quan đến đặc điểm tâm sinh lý riêng của công dân từng quốc gia. Đây sẽ là rào cản trong xét xử về tội rửa tiền nói riêng và những tội khác nói chung vì có người phạm tội ở nước này nhưng sẽ không bị xem là phạm tội ở nước khác và ngược lại.

Tuy đã có quy định tại Điều 251 về tội rửa tiền nhưng trong 9 năm qua Việt Nam chưa có một vụ xét xử nào về loại tội phạm này. Trong khi đó, báo cáo đặc biệt của Chương trình thống kê tư pháp liên bang của Mỹ thì từ 1994 đến 2001 cho biết có khoảng 18.500 bị cáo đối diện với những cáo buộc liên quan đến rửa tiền ở các Tòa án quận. Cũng trong khoảng thời gian 7 năm này, 9.169 người thực hiện hành vi rửa tiền bị kết án [1]. Tại Thụy Điển, trong 2003, có 3 người bị kết án về tội rửa tiền, tổng cộng có 23 người đã bị kết án về tội này kể từ khi nó có hiệu lực vào 7-1998 [18]. Việc chưa xét xử về tội phạm này có phải do Việt Nam chưa có loại tội phạm này? Thực tiễn những năm qua cho thấy trên thế giới có loại tội phạm gì thì ở Việt Nam cũng sẽ có loại tội phạm đó. Bên cạnh đó, ngay trong nền kinh tế Việt Nam, các hoạt động phạm tội chiếm tỉ trọng đáng kể nên không thể nói rằng không có thu nhập do phạm tội mà có. Vậy bọn tội phạm sẽ làm gì với những khoản tiền có được đó? Chắc chắn chúng sẽ tìm cách hợp pháp hóa. Vấn đề là chúng ta phải làm sao để phát hiện và xử lý. Tháng 9-2008, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã bắt giữ 2 người quốc tịch châu Phi có liên quan đến hoạt động rửa tiền. Đồng thời cơ quan chức năng đã thu giữ 4 tỷ đồng (tương đương 250.000 USD) qua các hoạt động tẩy rửa tiền tại các ngân hàng thuộc thành phố Đà Nẵng và Bà Rịa - Vũng Tàu [2]. Qua nghiên cứu, chúng ta có thể lý giải những lý do khiến Việt Nam chưa xử ai về tội rửa tiền có thể nằm trong những nguyên nhân sau:

Lý do thứ nhất, chúng ta chưa có các quy định chi tiết về loại tội này nên việc truy tố, xét xử chắc chắn còn lúng túng. Loại tội này rất dễ nhầm lẫn với những loại tội phạm khác như lừa đảo, chứa chấp và tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, che giấu tội phạm, tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới. Khi xây dựng BLHS 1999 có ý kiến bàn khoăn về việc có nên quy định tội “*Hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có*” trong BLHS 1999 hay không vì chúng ta đã có tội “*Chứa chấp và tiêu thụ tài sản do phạm tội mà*



có” (được quy định tại Điều 250). Mặc dù cả hai tội này đều xảy ra sau những tội khác nhưng việc chứa chấp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có được thể hiện thông qua những hành vi khách quan như cho người phạm tội cất giấu tài sản tại nơi ở, nơi làm việc của mình, giữ, mua bán những tài sản đó chứ không phải là che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản do phạm tội mà có. Tội rửa tiền cũng dễ bị nhầm với tội “*Che giấu tội phạm*” (Điều 313). Rửa tiền là nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền do phạm tội mà có và do đó che giấu luôn cả hành vi phạm tội trước đó nhưng không phải hành vi che giấu tội phạm nào cũng là rửa tiền. Vì che giấu tội phạm là hành vi của người tuy không hứa hẹn trước nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện đã tiến hành che giấu người phạm tội, tang vật của tội phạm hoặc có hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội. Như vậy, điểm khác biệt chính giữa hai tội này là đối tượng: một bên là che giấu người phạm tội, tài sản do phạm tội mà có, một bên là che giấu tính chất, nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản do phạm tội mà có, chứ không phải là che giấu chính tài sản do phạm tội mà có. Kể đến các đường dây kiều hối ngầm¹ cũng hỗ trợ khá đắc lực cho việc rửa tiền. Cơ chế hoạt động của chúng như sau: Người ở quốc gia M muốn gửi tiền cho người thân ở quốc gia N nhưng do số tiền quá lớn, nếu gửi qua ngân hàng sẽ bị chú ý hoặc phải khai báo theo quy định về quản lý ngoại hối hiện hành của các nước, họ đến gặp người của các đường dây kiều hối ngầm

¹ Các đường dây này được gọi bằng nhiều tên khác nhau: hawala ở các nước Ả Rập, fei ch'ien ở Hồng Kông, padala ở Philippines, hundi ở Ấn Độ và Pakistan, phoei kwan ở Thái Lan và “kiều hối peso thị trường chợ đen” ở Mỹ Latin. Những những đường dây này phổ biến ở Trung Đông và tiểu lục địa Ấn Độ

để gửi tiền. Vài tiếng sau, người nhà ở quốc gia N đã nhận đủ lượng tiền. Sau đó, tiền sẽ được đưa trở lại quốc gia M thông qua ngân hàng hợp pháp. Như vậy, trước pháp luật và cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tiền đó là do thu nhập người thân từ nước N gửi tặng cho người ở nước M. Ở đây nếu bọn tội phạm chỉ dừng lại ở khâu vận chuyển tiền qua biên giới bằng đường bộ, đường không, đường biển hay bằng đường dây kiểu hối ngầm thì chỉ bị tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới” (Điều 154 BLHS 1999) chứ chưa phải là phạm tội rửa tiền. Phải có thêm khâu kế tiếp là gửi ngược lại quốc gia M để hợp pháp hóa tiền đó thì mới là hành vi rửa tiền.

Lý do thứ hai, rửa tiền giúp che đậy nguồn gốc bất hợp pháp của những đồng tiền do phạm tội mà có. Và như vậy, vấn đề điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan có thẩm quyền sẽ khó khăn hơn, tốn nhiều thời gian hơn, không thể trong một thời gian ngắn như các loại tội phạm khác.

Lý do thứ ba, nó là loại tội phạm xuyên quốc gia nên cần sự phối hợp điều tra, truy tố, xét xử, dẫn độ, v.v...của nhiều quốc gia khác nhau. Và sự khác biệt về luật pháp giữa các quốc gia là một rào cản cho vấn đề này.

Lý do thứ tư, việc chứng minh yếu tố lỗi trong tội rửa tiền không hề đơn giản. Vì những người bị điều tra đều có thể trả lời như nhau là “tôi không biết đó là tiền do phạm tội mà có”. Vậy mức độ biết như thế nào và khi nào biết thì mới bị xem là có lỗi là vấn đề khá cam go mà các điều tra viên phải làm rõ. Điều này chắc chắn khiến cho việc điều tra, truy tố và xét xử diễn ra trong thời gian dài.

Từ các dấu hiệu đặc trưng của tội này trong Luật hình sự 1999, chúng ta thấy có những vấn đề sau đây cần được giải thích để việc áp dụng được thống nhất:

a) Về dấu hiệu định lượng của tội rửa tiền: Đối với hành vi buôn bán trái phép qua biên giới hàng hóa, tiền tệ Việt Nam, ngoại tệ, kim khí đá quý thì chỉ bị xử lý hình sự khi giá trị của các đối tượng trên là từ 100.000.000 đồng. Vậy đối với tội rửa tiền thì giá trị của tiền và tài sản được rửa là bao nhiêu thì mới bị truy cứu TNHS hay chỉ cần có đầy đủ các dấu hiệu bắt buộc khác thì đã có thể bị truy cứu TNHS mà không cần có yếu tố định lượng? Điều này rất quan trọng vì cá nhân, tổ chức có trách nhiệm trong phòng, chống rửa tiền nếu vi phạm mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính.

b) Cơ quan có thẩm quyền có cần phải chứng minh và xét xử về tội phạm nguồn trước rồi sau đó mới tiến hành truy tố và xét xử về tội rửa tiền hay cả 2 việc này đều được tiến hành cùng lúc.

c) Về hình phạt bổ sung được quy định là “Người phạm tội có thể bị tịch thu tài sản, phạt tiền đến 3 lần số tiền hoặc giá trị tài sản được

hợp pháp hóa, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm” thì từ “có thể” ở đây sẽ gây lung túng cho các cơ quan thực thi pháp luật. Bởi vì khi nào thì tịch thu, khi nào không, khi nào mới bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, và cấm trong thời gian bao lâu? Như chúng ta đã biết, quan điểm chung hiện nay trên thế giới là là sẵn do phạm tội mà có đều phải bị tịch thu. Rất tiếc là dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự 1999 vẫn giữ nguyên quy định này.

d) Vấn đề thời hiệu cho việc truy tố người phạm tội rửa tiền sẽ được tính như thế nào, áp dụng như các loại tội phạm khác hay cần có quy định riêng vì cần có thời gian để chứng minh về tội phạm nguồn trước?

Nếu không có các quy định rõ ràng về các vấn đề trên thì việc áp dụng pháp luật sẽ không thống nhất giữa các cấp tòa án, giữa các thẩm phán và giữa các địa phương. Việc này, vô hình trung đã khiến cho việc xét xử sẽ trở nên không công bằng.

Tóm lại, chúng ta không thể không chú ý đến sự gia tăng nghiêm trọng của tình hình tội phạm rửa tiền trên thế giới hiện nay. Tuy nhiên, không chỉ dừng ở đó, chúng ta còn phải có những động thái tích cực trong việc phòng chống loại tội phạm này. Chính sách mở cửa bên cạnh việc mang lại những thuận lợi nhất định cho Việt Nam còn kéo theo nó những loại tội phạm mới mà trước đây Việt Nam chưa có hay chưa có nhiều như tội “*Hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có*”. Cho nên, nếu chúng ta không sớm xây dựng cho mình một hệ thống pháp luật chặt chẽ, cụ thể, đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm thì chắc chắn bọn tội phạm rửa tiền sẽ chọn Việt Nam làm đích ngắm. Hy vọng rằng luật sửa đổi bổ sung BLHS 1999 và các văn bản hướng dẫn sẽ khắc phục được những điều còn đang tồn tại trong việc phòng chống rửa tiền. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Bureau of Justice Statistics (July 2003), Special Report, Federal Justice Statistics Program, pp 1.
2. Dương Hiệp, Hàng năm, tại Việt Nam có 2,25 tỷ USD liên quan tới hoạt động rửa tiền, <http://www.hanoimoi.com.vn, 1-11-2008>
3. European Banking Federation, National Measures, Brussel October 2002.
4. European Parliament Council, Directive 2001/97/EC on 4 December, 2001 amending Directive 91/308/EEC on prevention of the use of the financial system for the purpose of money laundering.
5. FATF (1997), X Annual Report (1996-1997), pp 14-16.
6. Michael Bogdan (2000), Swedish Law in the new Millennium, *Norstedts Juridik*, pp 159.
7. National Assembly (1997), Swedish Penal Code.
8. National Assembly (1994), United States Federal Penal Code.